

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCCK
TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

**CTY CP TẬP ĐOÀN THÉP
TIẾN LÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiến Lên, ngày 29 tháng 07 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

Mã chứng khoán: TLH

Địa chỉ trụ sở chính: G4A – Khu phố 4 – Phường Tân Hiệp – TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.823187

Fax: 0613.829043

Người thực hiện công bố thông tin: ĐÀO THỊ KIM LOAN

Địa chỉ: D20F – Khu phố 5 – Phường Tân Hiệp – TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0989.178.110 Fax: 0613.857591

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng 2016 đã soát xét

<http://tienlengroup.com.vn/199/4266/Bao-cao-tai-chinh/Bao-cao-tai-chinh-Hop-nhat-6-thang-2016-da-soat-xet.aspx>

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2016.
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất 6T.2016(đã soát xét)

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	06-39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-39



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên	
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên	
Ông Dương Quang Bình	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016
Ông Đặng Tuấn Đại	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016
Ông Phạm Công Thìn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2016

Các thành viên của Ban điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên
Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 08 ngày 17 tháng 02 năm 2016, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Mạnh Hà - chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Mạnh Hà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2016

Số: 1656/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được lập ngày 12 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.872.928.255.905	1.209.757.585.406
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	104.066.670.722	98.467.847.773
111	1. Tiền		66.913.105.305	47.442.013.024
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.153.565.417	51.025.834.749
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.059.932.142	17.227.027.465
121	1. Chứng khoán kinh doanh		18.591.062.363	23.903.937.316
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.531.130.221)	(6.676.909.851)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		300.228.429.556	314.068.237.901
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	225.811.833.726	266.125.982.601
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46.625.316.651	20.359.712.121
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		10.620.000.000	10.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.395.382.512	18.286.646.512
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(224.103.333)	(1.324.103.333)
140	IV. Hàng tồn kho	8	1.431.392.194.893	765.445.675.002
141	1. Hàng tồn kho		1.483.654.449.341	860.931.279.342
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(52.262.254.448)	(95.485.604.340)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.181.028.592	14.548.797.265
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.804.991.179	941.399.313
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.376.015.404	9.605.037.728
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	22.009	4.002.360.224
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		612.025.523.484	602.100.005.064
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		600.000	600.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		600.000	600.000
220	II. Tài sản cố định		335.210.625.876	339.999.924.109
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	212.559.890.801	216.832.702.074
222	- Nguyên giá		360.714.730.415	355.468.409.844
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(148.154.839.614)	(138.635.707.770)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	122.650.735.075	123.167.222.035
228	- Nguyên giá		130.115.306.720	130.115.306.720
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.464.571.645)	(6.948.084.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	87.719.807.146	84.687.093.916
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		87.719.807.146	84.687.093.916
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	176.600.710.835	164.473.677.883
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		176.600.710.835	164.473.677.883
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.493.779.627	12.938.709.156
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	12.493.779.627	12.938.709.156
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.484.953.779.389	1.811.857.590.470

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÈP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai


Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.385.619.182.679	971.390.423.088
310	I. Nợ ngắn hạn		1.382.757.451.520	970.623.302.190
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	117.803.520.368	111.265.855.973
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.084.293.581	5.264.160.077
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	24.680.304.854	1.053.789.928
314	4. Phải trả người lao động		2.351.141.710	4.255.904.288
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.100.103.910	2.034.664.663
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		54.000.000	108.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.270.533.248	2.957.600.524
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1.221.429.069.403	837.550.747.791
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.984.484.446	6.132.578.946
330	II. Nợ dài hạn		2.861.731.159	767.120.898
337	1. Phải trả dài hạn khác		172.670.306	180.570.306
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26	2.689.060.853	586.550.592
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.099.334.596.710	840.467.167.382
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.099.334.596.710	840.467.167.382
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		846.455.640.000	846.455.640.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		846.455.640.000	846.455.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.546.932.622	51.546.932.622
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		171.391.169.166	(83.008.033.868)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(83.008.033.868)	86.339.584.695
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		254.399.203.034	(169.347.618.563)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		17.190.820.559	12.722.594.265
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.484.953.779.389	1.811.857.590.470


Đỗ Thị Kim Dung
Người lập


Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

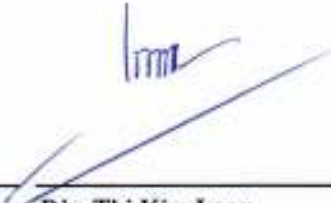
Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.902.390.622.352	1.543.386.473.750
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		300.377.659	423.923.985
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.902.090.244.693	1.542.962.549.765
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.563.090.804.014	1.469.863.814.323
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		338.999.440.679	73.098.735.442
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.324.370.016	5.056.706.906
22	7. Chi phí tài chính	22	27.287.981.546	37.677.328.538
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		26.936.212.035	31.720.651.673
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		12.127.032.952	632.334.271
25	9. Chi phí bán hàng	23	22.546.121.477	17.496.098.190
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	16.541.363.314	16.561.115.719
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		288.075.377.310	7.053.234.172
31	12. Thu nhập khác		2.083.127.860	10.821.923.903
32	13. Chi phí khác		661.158.089	1.071.666.141
40	14. Lợi nhuận khác		1.421.969.771	9.750.257.762
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		289.497.347.081	16.803.491.934
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	28.527.407.492	5.229.970.847
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	2.102.510.261	(21.896.073)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		258.867.429.328	11.595.417.160
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		254.399.203.034	11.506.195.112
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		4.468.226.294	89.222.048
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.058	143


Đỗ Thị Kim Dung
Người lập
Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2016


Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ6 tháng đầu năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		289.497.347.081	16.803.491.934
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.900.840.520	10.216.510.976
03	- Các khoản dự phòng		(44.469.129.522)	1.080.413.210
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.806.743.905)	(9.988.738.854)
06	- Chi phí lãi vay		26.936.212.035	31.720.651.673
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		269.058.526.209	49.832.328.939
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.177.221.468	54.241.177.039
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(622.723.169.999)	(64.559.921.849)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.662.297.453	1.712.391.490
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.418.662.337)	(192.067.388)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		5.312.874.953	(2.158.314.600)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(27.870.772.788)	(31.720.651.673)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.072.930.484)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(148.094.500)	(84.139.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(370.949.779.541)	2.997.872.474
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.068.639.861)	(3.521.836.650)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		136.363.636	520.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.602.557.103	1.637.688.350
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.329.719.122)	(1.364.148.300)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(3.953.300.000)
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.031.201.722.791	1.760.157.791.097
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.647.323.401.179)	(1.782.360.204.145)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(71.978.992.847)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		383.878.321.612	(98.134.705.895)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.598.822.949	(96.500.981.721)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		98.467.847.773	212.447.953.164
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	104.066.670.722	115.946.971.443





Đỗ Thị Kim Dung
Người lập

Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ *6 tháng đầu năm 2016*

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 846.455.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 846.455.640.000 đồng; tương đương 84.645.564 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, gỗ cây và gỗ chế biến (không chứa hàng tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, (trừ xi mạ - không gia công tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong 06 tháng đầu năm 2016, do biến động của thị trường các sản phẩm về sắt thép, giá bán các sản phẩm về sắt thép trong kỳ có xu hướng tăng. Điều này dẫn đến biến động lớn về tỷ lệ lãi gộp cũng như kết quả kinh doanh của Công ty trong năm nay với cùng kỳ năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cấu trúc Tập đoàn**- Tổng số Công ty con:**

- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 5 công ty;
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty.

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Thành phố Hồ Chí Minh	95,83%	95,83%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Thành phố Hồ Chí Minh	97,35%	97,35%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Các công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	72,00%	72,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc khi nhận góp vốn; là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

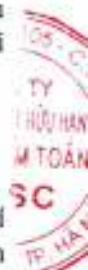
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm

- Quyền sử dụng đất có thời hạn

Trích khấu hao theo thời hạn sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn

Không trích khấu hao

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	217.502.542	248.923.271
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.695.602.763	47.193.089.753
Các khoản tương đương tiền	37.153.565.417	51.025.834.749
	<u>104.066.670.722</u>	<u>98.467.847.773</u>

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,8 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng NaiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	18.591.062.363	12.322.318.465	(6.531.130.221)	23.903.937.316	17.361.737.465	(6.676.909.851)
<i>Công ty CP Kinh Đô</i>	<i>3.493.732.750</i>	<i>1.960.000.000</i>	<i>(1.533.732.750)</i>	<i>3.493.732.750</i>	<i>1.701.000.000</i>	<i>(1.792.732.750)</i>
<i>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội</i>	<i>2.553.825.000</i>	<i>1.426.000.000</i>	<i>(1.127.825.000)</i>	<i>2.553.825.000</i>	<i>1.702.000.000</i>	<i>(851.825.000)</i>
<i>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn</i>	-	-	-	<i>2.063.090.000</i>	<i>2.197.800.000</i>	-
<i>Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Tân Kỳ</i>	<i>2.302.065.000</i>	<i>1.409.045.000</i>	<i>(893.020.000)</i>	<i>2.302.065.000</i>	<i>1.250.535.000</i>	<i>(1.051.530.000)</i>
<i>Tổng Công ty CP Xuất nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam</i>	<i>1.538.773.677</i>	<i>1.801.160.000</i>	-	<i>2.529.227.990</i>	<i>2.240.380.800</i>	<i>(288.847.190)</i>
<i>Các cổ phiếu khác</i>	<i>8.702.665.936</i>	<i>5.726.113.465</i>	<i>(2.976.552.471)</i>	<i>10.961.996.576</i>	<i>8.270.021.665</i>	<i>(2.691.974.911)</i>
	18.591.062.363	12.322.318.465	(6.531.130.221)	23.903.937.316	17.361.737.465	(6.676.909.851)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh căn cứ trên bảng giá thị trường của các chứng khoán kinh doanh này tại thời điểm 30/06/2016.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 48%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối kỳ là 172.800.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 164.473.677.883 đồng và 176.600.710.835 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP Thép Bắc Nam	4.303.791.795	84.402.284.428
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Đại Dững	-	2.455.806.160
Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Minh Tiến	13.556.192.436	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	207.951.849.495	179.267.892.013
	<u>225.811.833.726</u>	<u>266.125.982.601</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>4.303.791.795</u>	<u>84.402.284.428</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa nhập khẩu	36.773.282.835	-	12.494.725.807	-
Trả trước cho người bán khác	9.852.033.816	-	7.864.986.314	-
	<u>46.625.316.651</u>	<u>-</u>	<u>20.359.712.121</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	472.260.428	-	512.085.870	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.158.220	-	1.058.020	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	543.310	-	42.040	-
Tạm ứng	3.120.971.949	-	6.871.564.978	-
Ký cược, ký quỹ	15.569.994	-	15.646.297	-
Các khoản chi hộ	11.662.267.785	-	2.148.781.798	-
Phải thu khác	2.120.610.826	-	8.737.467.509	-
	<u>17.395.382.512</u>	<u>-</u>	<u>18.286.646.512</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	214.493.387.525	-	4.642.592.708	-
Nguyên liệu, vật liệu	393.512.033.864	(11.703.846.500)	210.275.603.340	(21.777.126.098)
Công cụ, dụng cụ	270.243.985	-	228.334.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.727.917.922	-	1.807.757.922	-
Thành phẩm	28.163.578.728	(1.435.743.865)	42.216.036.165	(5.683.759.903)
Hàng hoá	845.487.287.317	(39.122.664.083)	601.760.954.507	(68.024.718.339)
	1.483.654.449.341	(52.262.254.448)	860.931.279.342	(95.485.604.340)

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	87.184.807.146	84.152.093.916
- Xây dựng chi nhánh tại Long Thành	55.919.307.748	55.806.125.930
- Xây dựng nhà kho tại Đà Nẵng	21.523.105.977	18.902.227.417
- Công trình Đền Lư (1)	4.766.423.430	4.766.423.430
- Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2 (2)	3.440.235.598	3.440.235.598
- Các công trình khác	1.535.734.393	1.237.081.541
Mua sắm tài sản cố định	535.000.000	535.000.000
- Chi phí mua phần mềm máy tính	535.000.000	535.000.000
	87.719.807.146	84.687.093.916

(1) Công trình Đền Lư là dự án xây dựng tòa nhà văn phòng 07 tầng phát sinh tại Công ty TNHH MTV thép Phúc Tiến từ năm 2013. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch nâng tầng dự án nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2 - Khu công nghiệp Tân Tạo phát sinh tại Công ty TNHH Thép Tây Nguyên. Hiện nay, Công ty TNHH Thép Tây Nguyên đang thực hiện các thủ tục pháp lý với đối tác và các bên có liên quan để hoàn tất chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Thép Tây Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	148.204.997.313	139.986.015.526	65.849.453.107	1.099.073.395	328.870.503	355.468.409.844
- Mua trong kỳ	70.680.000	372.598.041	1.184.648.590	-	-	1.627.926.631
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.503.000.000	-	-	-	-	4.503.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(884.606.060)	-	-	(884.606.060)
Số dư cuối kỳ	152.778.677.313	140.358.613.567	66.149.495.637	1.099.073.395	328.870.503	360.714.730.415
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	41.572.754.891	58.561.064.342	37.559.652.229	649.115.813	293.120.495	138.635.707.770
- Khấu hao trong kỳ	2.977.133.326	4.505.805.299	2.813.451.355	87.963.580	-	10.384.353.560
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(865.221.716)	-	-	(865.221.716)
Số dư cuối kỳ	44.549.888.217	63.066.869.641	39.507.881.868	737.079.393	293.120.495	148.154.839.614
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	106.632.242.422	81.424.951.184	28.289.800.878	449.957.582	35.750.008	216.832.702.074
Tại ngày cuối kỳ	108.228.789.096	77.291.743.926	26.641.613.769	361.994.002	35.750.008	212.559.890.801

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.115.663.223 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	130.031.806.720	83.500.000	130.115.306.720
Số dư cuối kỳ	<u>130.031.806.720</u>	<u>83.500.000</u>	<u>130.115.306.720</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.864.584.685	83.500.000	6.948.084.685
- Khấu hao trong kỳ	516.486.960	-	516.486.960
Số dư cuối kỳ	<u>7.381.071.645</u>	<u>83.500.000</u>	<u>7.464.571.645</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	123.167.222.035	-	123.167.222.035
Tại ngày cuối kỳ	<u>122.650.735.075</u>	<u>-</u>	<u>122.650.735.075</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	19.323.870	552.986.640
Giá trị quyền thuê đất góp vốn thành lập công ty con Phúc Tiến Hải Phòng (*)	10.500.000.000	10.500.000.000
Chi phí mua bảo hiểm	31.973.189	15.859.901
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.942.482.568	1.869.862.615
	<u>12.493.779.627</u>	<u>12.938.709.156</u>

(*) Đây là giá trị quyền thuê đất nhận góp vốn vào Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng. Tại thời điểm hiện tại, Các bên tham gia góp vốn chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý có liên quan để chuyển quyền thuê đất cho Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Bright ruby	-	-	10.659.922.358	10.659.922.358
Công ty TNHH Vy Hồng Loan	312.891.980	312.891.980	10.151.833.683	10.151.833.683
Công ty TNHH Metal one Vietnam	39.419.234.099	39.419.234.099	64.879.048.730	64.879.048.730
Công Ty CP Thép Bắc Nam	3.669.067.747	3.669.067.747	4.933.701.091	4.933.701.091
Công ty TNHH Marubeni-Itochu	17.588.845.428	17.588.845.428	-	-
Zhejiang Catarich International Trade co.ltd	28.109.873.794	28.109.873.794	-	-
Phải trả các đối tượng khác	28.703.607.320	28.703.607.320	20.641.350.111	20.641.350.111
	<u>117.803.520.368</u>	<u>117.803.520.368</u>	<u>111.265.855.973</u>	<u>111.265.855.973</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)				
	<u>3.669.067.747</u>	<u>3.669.067.747</u>	<u>4.933.701.091</u>	<u>4.933.701.091</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	44.222.269	-	152.283.166.188	152.238.943.919	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	4.015.981	-	2.428.445.916	2.424.429.935	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.954.121.974	-	28.527.407.492	-	-	24.573.285.518
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.053.789.928	210.200.373	1.156.992.974	22.009	107.019.336
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	203.590.870	203.590.870	-	-
Các loại thuế khác	-	-	31.075.000	31.075.000	-	-
	4.002.360.224	1.053.789.928	183.683.885.839	156.055.032.698	22.009	24.680.304.854

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	292.961.377	289.431.685
- Bảo hiểm xã hội	135.172.044	54.209.027
- Bảo hiểm y tế	19.813.960	1.395.445
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.552.300	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.032.500	8.032.500
- Phải trả Bà Phạm Thị Hồng	1.451.236.775	1.451.236.775
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.355.764.292	1.153.295.092
	3.270.533.248	2.957.600.524



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	187.654.950.528	187.654.950.528	258.373.634.508	239.177.218.526	206.851.366.510	206.851.366.510
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	129.836.156.179	129.836.156.179	128.467.392.877	138.336.156.179	119.967.392.877	119.967.392.877
- Ngân hàng TMCP Quân đội	9.705.820.787	9.705.820.787	-	9.705.820.787	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Đồng Nai	17.957.000.000	17.957.000.000	130.124.000.000	84.794.000.000	63.287.000.000	63.287.000.000
- Ngân hàng HSBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	39.133.489.984	39.133.489.984	-	39.133.489.984	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	8.508.920.041	8.508.920.041	-	-
- Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Hồ Chí Minh	46.763.849.158	46.763.849.158	47.663.968.374	46.763.849.158	47.663.968.374	47.663.968.374
- Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Tân Bình	11.974.000.000	11.974.000.000	5.489.162.510	15.629.000.000	1.834.162.510	1.834.162.510
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	65.832.000.000	65.832.000.000	284.245.000.000	257.415.000.000	92.662.000.000	92.662.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	108.886.867.559	108.886.867.559	236.173.585.842	208.138.719.326	136.921.734.075	136.921.734.075
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Tân Bình	14.466.000.000	14.466.000.000	31.300.000.000	14.721.520.100	31.044.479.900	31.044.479.900



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Phú	37.244.000.000	37.244.000.000	176.649.000.000	146.418.000.000	67.475.000.000	67.475.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên	18.730.000.000	18.730.000.000	204.712.185.677	114.660.217.050	108.781.968.627	108.781.968.627
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	47.811.945.970	47.811.945.970	187.299.485.844	119.790.567.833	115.320.863.981	115.320.863.981
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	26.017.767.626	26.017.767.626	50.412.191.377	48.438.030.862	27.991.928.141	27.991.928.141
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	36.195.038.326	36.195.038.326	48.287.706.066	36.195.038.326	48.287.706.066	48.287.706.066
- Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Đồng Nai (ACB)	16.540.000.000	16.540.000.000	110.038.000.000	44.521.000.000	82.057.000.000	82.057.000.000
- Vay tổ chức và cá nhân khác	22.801.861.674	22.801.861.674	123.457.489.675	74.976.853.007	71.282.498.342	71.282.498.342
	837.550.747.791	837.550.747.791	2.031.201.722.791	1.647.323.401.179	1.221.429.069.403	1.221.429.069.403

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	806.856.880.000	21.743.395.153	-	51.546.932.622	206.624.032.695	17.631.943.750	1.104.403.184.220
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	11.506.195.112	89.222.048	11.595.417.160
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.953.300.000)	-	-	-	(3.953.300.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(80.685.688.000)	-	(80.685.688.000)
Số dư cuối kỳ trước	806.856.880.000	21.743.395.153	(3.953.300.000)	51.546.932.622	137.444.539.807	17.721.165.798	1.031.359.613.380
Số dư đầu năm nay	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	(83.008.033.868)	12.722.594.265	840.467.167.382
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	254.399.203.034	4.468.226.294	258.867.429.328
Số dư cuối kỳ này	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	171.391.169.166	17.190.820.559	1.099.334.596.710

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Mạnh Hà	165.254.400.000	19,52%	156.789.400.000	18,52%
Bà Phạm Thị Hồng	95.898.420.000	11,33%	95.898.420.000	11,33%
Ông Nguyễn Văn Quang	79.792.900.000	9,43%	79.792.900.000	9,43%
Các cổ đông khác	496.516.559.210	58,66%	504.981.559.210	59,66%
Cổ phiếu quỹ	8.993.360.790	1,06%	8.993.360.790	1,06%
	846.455.640.000	100%	846.455.640.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	846.455.640.000	806.856.880.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>846.455.640.000</i>	<i>806.856.880.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>846.455.640.000</i>	<i>806.856.880.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	80.685.688.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	<i>80.685.688.000</i>
d) Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	84.645.564	84.645.564
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	84.645.564	84.645.564
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>84.645.564</i>	<i>84.645.564</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	1.460.000	1.460.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.460.000</i>	<i>1.460.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.185.564	83.185.564
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83.185.564</i>	<i>83.185.564</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.546.932.622	51.546.932.622
	51.546.932.622	51.546.932.622
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	27.510	75.789
- Đồng Euro (EUR)	100	100
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	402.720.314.890	491.433.450.019
Doanh thu bán hàng hóa	1.493.540.412.869	1.042.264.950.005
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.129.894.593	9.688.073.726
	1.902.390.622.352	1.543.386.473.750
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)	169.927.126.476	169.531.070.860

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	322.501.394.428	491.964.241.872
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.283.746.036.684	974.408.046.084
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.722.794	3.491.526.367
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(43.223.349.892)	-
	<u>1.563.090.804.014</u>	<u>1.469.863.814.323</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.246.474.661	1.354.688.350
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	170.018.169	47.090.976
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	374.161.531	388.629.827
Cổ tức, lợi nhuận được chia	316.257.000	283.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.209.784.965	2.969.327.949
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.673.690	13.969.804
	<u>3.324.370.016</u>	<u>5.056.706.906</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.936.212.035	31.720.651.673
Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh	95.077.084	178.430.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	110.981.427	4.152.424.147
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(145.779.630)	1.080.413.210
Chi phí tài chính khác	291.490.630	545.409.281
	<u>27.287.981.546</u>	<u>37.677.328.538</u>

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	474.787.475	514.337.128
Chi phí nhân công	7.593.389.929	6.856.308.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.488.393.972	2.588.568.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.545.849.968	4.410.286.594
Chi phí khác bằng tiền	7.443.700.133	3.126.597.572
	<u>22.546.121.477</u>	<u>17.496.098.190</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	345.852.861	506.853.064
Chi phí nhân công	8.423.505.623	8.774.863.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.742.195.334	2.416.453.630
Thuế, phí, lệ phí	192.449.308	26.902.297
Hoàn nhập dự phòng	(1.100.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.377.832.030	2.904.203.558
Chi phí khác bằng tiền	2.559.528.158	1.931.839.984
	16.541.363.314	16.561.115.719

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	28.527.407.492	5.229.970.847
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(3.954.121.974)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(4.072.930.484)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	24.573.285.518	1.157.040.363

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.689.060.853	586.550.592
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.689.060.853	586.550.592

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.102.510.261	(21.896.073)
	2.102.510.261	(21.896.073)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	254.399.203.034	11.506.195.112
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	254.399.203.034	11.506.195.112
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	83.185.564	80.669.910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.058	143

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	299.845.698.061	495.705.679.322
Chi phí nhân công	17.621.492.079	17.129.916.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.900.840.520	10.216.510.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.319.914.119	9.301.029.095
Chi phí khác bằng tiền	10.101.194.369	4.891.759.898
	348.789.139.148	537.244.895.329

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.066.670.722	-	98.467.847.773	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	243.207.816.238	(224.103.333)	284.413.229.113	(1.324.103.333)
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	10.620.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	18.591.062.363	(6.531.130.221)	23.903.937.316	(6.676.909.851)
	376.485.549.323	(6.755.233.554)	417.405.014.202	(8.001.013.184)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.221.429.069.403	837.550.747.791
Phải trả người bán, phải trả khác	121.246.723.922	114.404.026.803
Chi phí phải trả	1.100.103.910	2.034.664.663
	1.343.775.897.235	953.989.439.257

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.066.670.722	-	-	104.066.670.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	242.983.112.905	600.000	-	242.983.712.905
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	12.059.932.142	-	-	12.059.932.142
	369.729.715.769	600.000	-	369.730.315.769
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.467.847.773	-	-	98.467.847.773
Phải thu khách hàng, phải thu khác	283.088.525.780	600.000	-	283.089.125.780
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	17.227.027.465	-	-	17.227.027.465
	409.403.401.018	600.000	-	409.404.001.018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẾ TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	1.221.429.069.403	-	-	1.221.429.069.403
Phải trả người bán, phải trả khác	121.074.053.616	172.670.306	-	121.246.723.922
Chi phí phải trả	1.100.103.910	-	-	1.100.103.910
	<u>1.343.603.226.929</u>	<u>172.670.306</u>	<u>-</u>	<u>1.343.775.897.235</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	837.550.747.791	-	-	837.550.747.791
Phải trả người bán, phải trả khác	114.223.456.497	180.570.306	-	114.404.026.803
Chi phí phải trả	2.034.664.663	-	-	2.034.664.663
	<u>953.808.868.951</u>	<u>180.570.306</u>	<u>-</u>	<u>953.989.439.257</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng NaiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
ế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	402.419.937.231	1.493.540.412.869	6.129.894.593	1.902.090.244.693
Chi phí bộ phận trực tiếp	322.501.394.428	1.240.522.686.792	66.722.794	1.563.090.804.014
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.918.542.803	253.017.726.077	6.063.171.799	338.999.440.679
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.573.680.000	4.217.361.820	372.598.041	9.163.639.861
Tài sản bộ phận	521.161.072.446	1.946.993.367.526	7.635.699.556	2.475.790.139.528
Tổng tài sản	525.734.752.446	1.951.210.729.346	8.008.297.597	2.484.953.779.389
Nợ phải trả bộ phận	293.151.592.610	1.088.002.134.468	4.465.455.601	1.385.619.182.679
Nợ phải trả không phân bổ	-	2.689.060.853	-	-
Tổng nợ phải trả	293.151.592.610	1.090.691.195.321	4.465.455.601	1.385.619.182.679

Theo khu vực địa lý

Trên 90% hàng bán trong nước, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu		169.927.126.476	169.531.070.860
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	169.927.126.476	169.531.070.860
Mua hàng		224.645.022.136	167.072.466.048
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	224.645.022.136	167.072.466.048

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		4.303.791.795	84.402.284.428
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	4.303.791.795	84.402.284.428
Phải thu khác		12.982.267.785	6.506.403.320
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	12.982.267.785	6.506.403.320
Phải trả người bán ngắn hạn		3.669.067.747	4.933.701.091
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	3.669.067.747	4.933.701.091
Người mua trả tiền trước		1.714.975.429	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	1.714.975.429	-
Các khoản vay ngắn hạn		70.129.114.034	18.779.484.717
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	4.542.998.668	13.966.078.375
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	65.586.115.366	4.813.406.342

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban điều hành và Hội đồng Quản trị		1.285.611.473	1.339.317.113



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

		
_____ Đỗ Thị Kim Dung Người lập	_____ Đào Thị Kim Loan Kế toán trưởng	_____ Nguyễn Mạnh Hà Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2016

